

CÁC SỐ ĐẾN 40

(2 tiết – SGK trang 104)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Đếm, lập số, đọc, viết số, phân tích, tổng hợp số theo cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 40.

– Vận dụng thứ tự các số trong phạm vi 40, dự đoán quy luật, hoàn thành dãy số.

– Mở rộng tinh nhẩm đang $10 + 4$, $14 - 10$ trong phạm vi 40.

2. Năng lực chú trọng:

tư duy và lập luận toán học.

3. Tích hợp:

Toán học và cuộc sống, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: 40 khói lập phương.

HS: 20 khói lập phương

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

– **Đếm** (Nhóm đôi)

- Dùng các khói lập phương: **đếm** từ 1 tới 40.
- Không dùng khói lập phương;

Đếm xuôi từ 1 tới 40.

Đếm ngược từ 40 về 1.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 25 – Lập số, cấu tạo thập phân của số (SGK trang 104)

HS thực hành theo nhóm đôi.

– HS **đếm** từng cái bánh (từ 1 tới 25) và **nói**: có 25 cái bánh.

– HS dùng các khối lập phương **thể hiện** số 25.

Sau đó **nói**: có 2 chục và 5 đơn vị.

GV giới thiệu: có 2 **chục** và 5 **đơn vị**, ta có số 25.

HS chỉ vào mô hình khối lập phương, lặp lại lời GV.

GV giới thiệu cách viết (miêng nói, tay viết): Số hai mươi lăm được viết bởi hai chữ số: chữ số 2 ở **bên trái** (**chữ số chục**), chữ số 5 ở **bên phải** (**chữ số đơn vị**).

HS **viết** số 25 (bằng con).

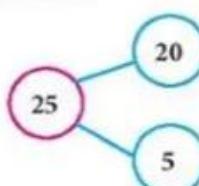
Nhận xét: chữ số 2 bên trái chỉ số chục, tức là 2 chục (hay 20)

chữ số 5 bên phải chỉ số đơn vị, tức là 5.

– **Viết** số đồ tách – gộp số:

Nói: 25 **gồm** 2 chục và 5 đơn vị.

Gộp 2 chục và 5 đơn vị **được** 25.



2. Đếm, đọc, viết số trong phạm vi 40

– **Đọc** số: HS **đọc** các số từ 21 tới 40 (SGK trang 104)

• Lưu ý: Cách đọc 21, 31 – 25, 35

24, 34 (24 có hai cách đọc: hai mươi bốn, hai mươi tư).

– **Viết** số:

• HS **nhận xét** chữ số hàng chục của các số: từ 21 tới 29, từ 30 tới 39.

• HS **viết** (bằng con) theo yêu cầu của giáo viên.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS quan sát mẫu, GV giúp HS **nhận biết**:

Có 2 chục và 8 đơn vị, ta có số 28

28 **gồm** 20 và 8

$$20 + 8 = 28$$

$$28 - 8 = 20.$$

Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói như trên.

Bài 2:

– Lưu ý HS, **quy luật** mà các em áp dụng **phải phù hợp với tất cả các số đã có sẵn** trong dãy số.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS tập **nói**, chẳng hạn:

- Dãy nước ngọt: các số đếm thêm 1.
- Dãy bánh chữ nhật: các số đếm thêm 1
- Dãy miếng dưa hấu: các số tròn chục từ bé đến lớn.
- Dãy bánh vuông: đếm thêm 5.
- Dãy miếng cam: đếm bớt 1...

Bài 3: Khi sửa bài, yêu cầu HS nói cách tính $16 + 3$, $80 - 50$.

Bài 4:

- GV lưu ý HS **suy nghĩ** để tìm cách đếm cho nhanh.
- Sửa bài: cả lớp đồng thanh **đếm**:
 - a) Cách 1: 2, 4, 6, ..., 36.
Cách 2: (3 hàng đầu, mỗi hàng có 10) **10, 20, 30, 32, 34, 36**.
 - b) Cách 1: (mỗi nhóm có 5) **5, 10, 15, ..., 40**.
Cách 2: (mỗi cột có 10) **10, 20, 30, 40**.
- Mở rộng (nếu còn thời gian): GV đưa ra các hình ảnh **thực tế** để học sinh đếm (**thêm 2, thêm 5, thêm 10**).

CỦNG CỐ

GV có thể tham khảo TRÒ CHƠI: ĐÚNG CHỖ – SAI CHỖ

- Cả lớp **điểm danh** từ 21 đến 40.
- Mỗi bạn **viết số** của mình ra bảng con.
- Mỗi lần GV đưa ra 4 yêu cầu về số, các bạn được gọi **mang theo bảng con, chạy lên** trước lớp, đứng **thành 2 đội** (trong mỗi đội, không có hai số giống nhau).
 - GV yêu cầu mỗi đội **sắp xếp** theo một trình tự nào đó.
Ví dụ, GV ra lệnh:
 - Số gồm 2 chữ và 8 đơn vị
Số gồm 20 và 6
Số lớn hơn 26 nhưng bé hơn 28
Số được viết bởi chữ số 3 ở hàng chục, chữ số 0 ở hàng đơn vị.
 - Xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, ví dụ:

Đội A	Đội B
26, 27, 28, 30	26, 28, 27, 30

- Cả lớp đồng thanh: Đúng chỗ, đúng chỗ (nếu đúng đúng).
Sai chỗ, sai chỗ (nếu đúng sai) – các bạn sửa lại.